TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 40, 27/9-01/10/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

"Còn lắm những chông gai"

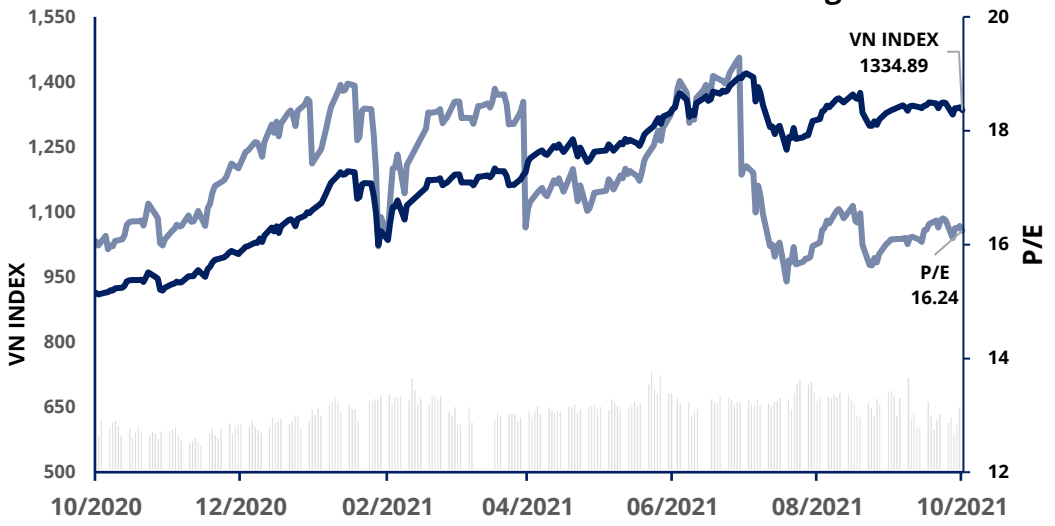
Thị trường chứng khoán toàn cầu tuần qua đồng loạt điều chỉnh mạnh. Các vấn đề tiêu cực về năng lượng ở Trung Quốc, và cuộc khủng hoảng nợ của công ty BĐS Evergrande đã làm dấy sự lo ngại về ảnh hưởng để chuỗi cung ứng và hệ thống tài chính toàn cầu. Thêm vào đó bế tắc ở Washington về thỏa thuận nâng trần nợ công đã đẩy lợi tức kho bạc Mỹ tăng cao làm ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư dẫn đến một đợt điều chỉnh mạnh ở phố Wall, S&P500 đã giảm 2.2%. Cổ phiếu châu Âu cũng giảm mạnh trong bối cảnh lo ngại nền kinh tế có thể rơi vào thời kỳ tăng trưởng thấp và lạm phát cao, STOXX Europe 600 Index kết thúc tuần giảm 2,24%. Thị trường chứng khoán Nhật Bản chứng kiến mức điều chỉnh lớ nhất trong năm, Nikkei 225 mất 4.89% do sự ảnh hưởng của việc lợi suất trái phiếu CP mỹ tăng làm đồng Yên Nhật suy yếu. Chứng khoán Trung Quốc kết thúc tuần sớm do nghĩ lễ Quốc Khánh với biến động nhẹ, Shanghai Composite Index giảm 1.2% trong bối cảnh cuộc khủng hoảng nợ của Evergrande đã phần nào hạ nhiệt, trong khi đó thiếu điện là mối bận tâm tiếp theo, có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế.

Thị trường chứng khoán Việt Nam có một tuần giao dịch ảm đạm để kết thúc quý 3. VN Index rơi vào nhịp điều chỉnh mạnh do tác động tiêu cực về tình hình kinh tế vĩ mô. Theo số liệu mới đây, GDP quý 3 giảm 6.17% so với cùng kỳ. Thêm vào đó, chỉ số PMI chỉ đạt mức 40.2 điểm và cho thấy tình hình kinh tế trong nước tiếp tục bị thu hẹp so với tháng 8. Kết tuần, VN Index giảm 16.28 điểm (-1.2%) và đóng cửa ở mức 1,334.89 điểm.Tương tự, hai chỉ số UPCom Index và HNX Index cùng đồng thuận điều chỉnh với mức giảm lần lượt là -2.1% và -0.9%.

Về mặt kỹ thuật, VN Index đóng cửa tuần bằng hình mẫu Spinning top cho thấy tâm lý nhà đầu tư vẫn rất do dự. Bên cạnh đó các đường MA50, MA100, và trendline tăng ngắn hạn nằm rất sát nhau, đây là những ngưỡng hỗ trợ gần nhất, rất mạnh và có độ tin cậy cao. Về triển vọng sắp tới, các tỉnh thành đặt biệt là TP Hồ Chí Minh đã bắt đầu mở cửa theo kế hoạch, chúng tôi nghĩ rằng đây là động lực để nền kinh tế quay lại quỹ đạo phát triển. Vì vậy nhà đầu tư có thể cân nhắc giải ngân vào những ngành nghề hưởng lợi từ việc mở cửa này.

Dữ liệu thị trường tuần		%thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1T	1Thg	3Tng	TĐN	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
VN-Index	1,335	-1.2	0.0	-5.8	9.8		16.2	2.6	224
Upcom Index	96	-2.1	2.1	6.1	17.5		44.6	3.2	58
HNX Index	356	-0.9	3.8	9.4	21.9		19.9	2.1	18
VN30 Index	1,442	-1.2	1.0	-6.7	17.6		14.5	2.9	165
S&P 500 Index	4,357	-2.2	-3.7	0.9	8.4		26.1	4.6	38,580
STOXX Europe 600 Index	453	-2.2	-4.3	-0.6	4.8		22.0	2.1	14,639
Hang Seng	24,576	1.6	-5.6	-14.8	-15.1		10.1	1.0	3,105
Nikkei 225	28,771	-4.9	1.1	0.2	-2.1		16.8	2.0	4,223
SHCOMP Index	3,568	-1.2	0.0	-0.6	2.9		15.2	1.7	7,169
STI Index	3,051	-0.3	-1.2	-2.3	-4.1		23.3	1.1	366
KOSPI Index	3,019	-3.4	-5.9	-8.0	-2.2		16.0	1.1	1,780

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Thanh khoản thị trường tuần qua có sự giảm sút đáng kể. Tuy nhiên tình có sự cải thiện trong ngày đầu tháng 10 khi GTGD về lại mức trên 23k nghìn tỷ đồng. Tổng quan lại, GTGD khớp lệnh trung bình mỗi phiên trên sàn HSX tuần qua giảm đáng kể -18.2% so với tuần trước đó, ứng với VND 16,367 tỷ trung bình mỗi phiên.

Xét theo quy mô vốn hóa, sự sụt giảm về thanh khoản thị trường đã ảnh hưởng đến tất các nhóm. Trong đó, vốn hóa nhỏ bị ảnh hưởng đáng kể nhất nhất, khi vốn hóa giảm 1.6% và GTGD giảm hơn 45.5%. Large Cap là nhóm bị ảnh hưởng ít nhất khi vốn hóa chỉ mất 1.2%, và GTGD giảm 8.9%. Tuy nhiên, tỉ trọng dòng tiền của nhóm này lại tăng 6.8%.

Xét theo từng nhóm ngành, các nhóm cổ phiếu liên quan tới dầu khí lại giao dịch sôi động hơn cả với mức tăng mạnh mẽ do hưởng lợi từ việc giá dầu thế giới tăng cao kỷ lục, gần $80/ thùng (Oil Brent).cụ thể vốn hóa nhóm tiện tích cộng đồng (điện nước, xăng dầu, khí đốt) và nhóm dầu khí tăng ấn tượng với mức tăng lần lượt là 9.9% và 4.7%. Ngược lại, nhóm ngân hàng bị điều chỉnh mạnh nhất (-3.9%) do báo cáo mới đây cho thấy tỷ lệ nợ xấu nội bảng và và nợ xấu tiềm ẩn cuối năm nay dự kiến ở mức 7.1%.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
Large Cap	-1.2	0.2	21.4	-8.9	-14.5	-25.6	66.6	6.8	21.3	3.0	4,432,937
Mid Cap	-1.2	0.7	27.2	-29.8	-24.7	-8.7	29.7	-4.9	19.2	1.6	601,605
Small Cap	-1.6	4.2	23.6	-45.5	-34.0	16.0	3.8	-1.9	23.2	1.0	72,419

Theo ngành

Tên ngành	% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD				
	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ $)
Tiện ích Cộng đồng	9.9	11.2	14.2	60.4	71.5	91.0	3.6	1.8	19.6	2.4	289,401
Dầu khí	4.7	6.5	3.4	13.6	54.9	67.0	2.0	0.6	76.8	3.1	75,882
Nguyên vật liệu	2.6	3.2	59.3	0.5	-2.3	10.0	23.4	4.3	22.4	2.9	544,122
Công nghiệp	-0.3	-1.2	22.7	-30.9	-33.4	-11.3	9.7	-1.8	17.3	1.6	241,308
Công nghệ Thông tin	-0.7	2.8	80.2	-37.1	-35.0	-47.2	1.0	-0.3	25.0	3.6	99,053
Dịch vụ Tiêu dùng	-1.3	11.0	36.3	0.1	-2.9	2.9	4.1	0.7	n.a	4.9	253,991
Hàng Tiêu dùng	-1.3	3.4	1.8	-25.5	-22.7	-10.5	9.9	-1.0	23.4	3.2	641,308
Dược và Y tế	-1.9	-5.5	9.5	-46.5	-38.3	0.2	0.6	-0.3	19.5	2.4	41,585
Tài chính	-1.9	-4.1	21.3	-31.3	-34.5	-33.2	28.4	-5.4	23.5	2.7	1,381,222
Ngân hàng	-3.9	-1.2	21.3	-11.1	-4.7	-42.3	17.3	1.4	15.0	2.4	1,539,571

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-HT: Hiện tại
-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT
Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế, rút ròng là điểm chung của thị trường chứng khoán châu Á. Bị ảnh hưởng nặng nề nhất là Nhật Bản và Đà Loan với giá trị rút ròng lần lượt là $2.07 tỷ và $1.9 tỷ. Tương tự, dòng vốn nước ngoài tiếp tục chạy ra khỏi thị trường Việt Nam nhưng với quy mô nhỏ lại, chỉ còn $15 triệu.

Về diễn biến dòng vốn qua kênh ETF, Quỹ Xtrackers tiếp tục rút ròng hơn $9.64 triệu và một ETF nội khác là DCVFMVN 30 của công ty Dragon Capital cũng đã rút ròng $5.36 triệu.Tuy nhiên, có một tín hiệu đáng mừng là, quỹ Fubon đã giải ngân trở lại $0.29 triệu qua đó giảm lượng rút ròng vốn quá kênh này còn $15.68 triệu

Tên ETF	Tài sản (Triệu $)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	**3,366**	**-15.68**	**-58.78**	**95.4**	**112.1**
Nước ngoài	**2,140**	**-10.32**	**-63.76**	**78.8**	**158.0**
VanEck Vectors Vietnam ETF	547	-0.97	-0.97	16.8	40.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	474	0.29	-6.76	87.6	249.3
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	502	0.00	0.00	13.2	3.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	384	-9.64	-57.39	-57.3	-67.2
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	174	0.00	0.00	7.2	-79.1
Premia MSCI Vietnam ETF	29	0.00	0.00	0.3	-1.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	14	0.00	1.36	11.0	12.7
Trong nước	**1,226**	**-5.36**	**4.98**	**16.7**	**-45.9**
DCVFMVN Diamond ETF	619	0.00	0.00	0.0	-56.7
DCVFMVN30 ETF Fund	444	-5.36	-0.84	10.5	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	114	0.00	0.89	0.9	0.1
MAFN VN30 ETF	27	0.00	4.85	5.2	1.2
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	5	0.00	0.08	0.08	9.6

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-363	69,345	64,699
Ấn độ	-130	1,408	714	8,798
Indonesia	-74	305	684	1,876
Nhật Bản	-2,071	2,944	-2,464	22,319
Maylaysia	-26	179	112	-916
Philippines	-86	-47	-198	-1,742
Hàn Quốc	-681	-334	-8,427	-25,797
Sri Lanka	-8	-35	-92	-227
Đài Loan	-1,939	-440	-3,576	-16,680
Thái Lan	-19	339	-8	-2,477
Việt Nam	-15	-348	-416	-1,945

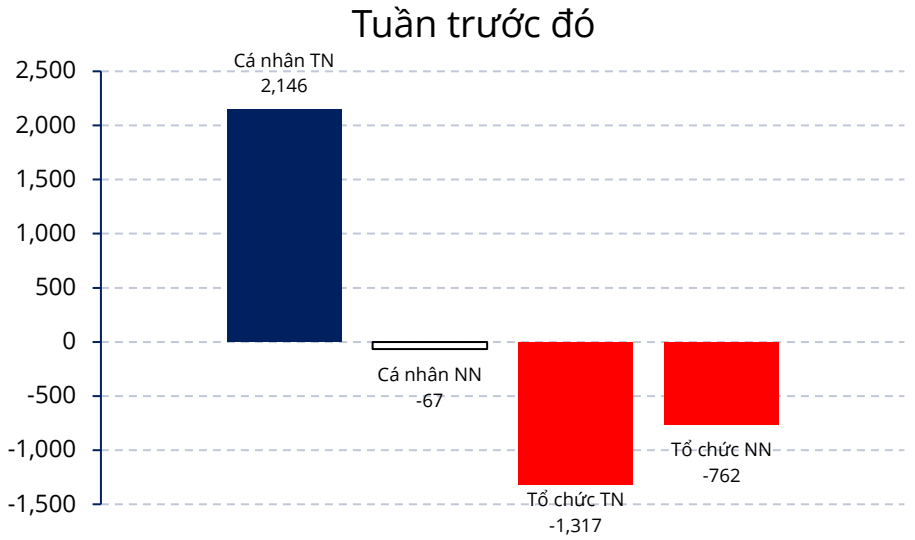
Chú thích:
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

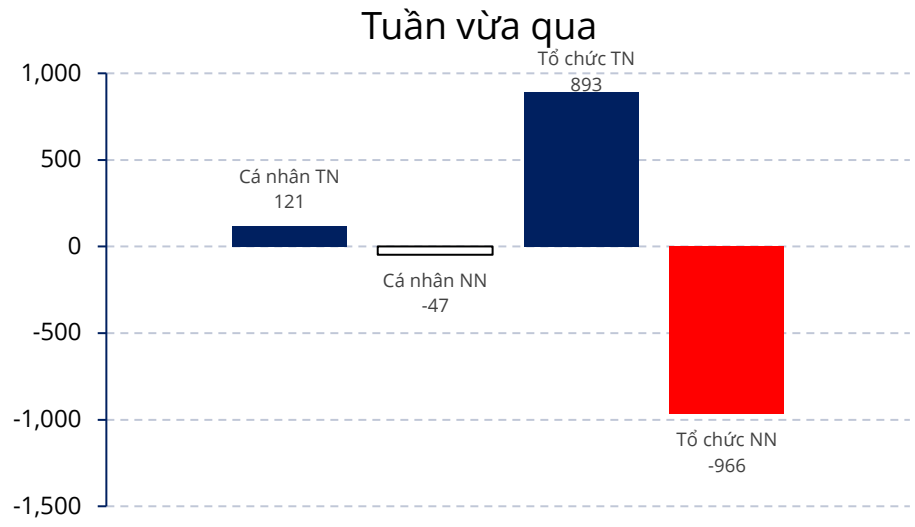
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng tuần thứ 5 liên tiếp với tổng số tiền là VND 121 tỷ, nhóm đầu tư tổ chức trong nước cũng đảo chiều quay trở lại gom mua ròng hơn VND 893 tỷ. Trong khi đó, đà bán ròng của khối ngoại vẫn duy trì, giá trị bán ròng tuần qua đạt VND 966 tỷ.





Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị :tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	TGG	Xây dựng và Vật liệu	0.99 - 77.40	47.3	-27.08%
2	SVT	Tài nguyên Cơ bản	12.45 - 20.35	15.2	-21.09%
3	TDH	Bất động sản	6.00 - 15.85	11.3	-19.29%
4	SII	Xây dựng và Vật liệu	13.40 - 21.00	16.0	-17.10%
5	APG	Dịch vụ tài chính	6.25 - 30.00	17.7	-17.10%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
31.86%	14.9	5.20 - 14.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	ASP
19.43%	29.2	15.70 - 29.20	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PGC
19.00%	33.2	27.00 - 34.50	Thực phẩm và đồ uống	ABT
16.58%	71.0	22.23 - 71.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TMS
19.00%	33.2	27.00 - 34.50	Hóa chất	DCM

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	SMT	Công nghệ Thông tin	6.00 - 47.00	23.3	-27.64%
2	VKC	Ô tô và phụ tùng	3.70 - 30.80	16.5	-27.31%
3	BII	Bất động sản	1.00 - 34.10	16.1	-26.48%
4	KDM	Xây dựng và Vật liệu	1.80 - 11.00	7.3	-23.16%
5	TKC	Xây dựng và Vật liệu	2.70 - 15.00	8.7	-19.44%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
59.29%	40.3	5.30 - 40.30	Xây dựng và Vật liệu	VE4
42.55%	13.4	3.10 - 13.40	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SDA
33.07%	16.9	7.00 - 17.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	PVG
27.35%	29.8	19.10 - 42.20	Truyền thông	LBE
25.73%	21.5	3.70 - 21.90	Xây dựng và Vật liệu	VC7

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	CI5	Xây dựng và Vật liệu	2.80 - 13.50	6.8	-46.03%
2	DKC	Bán lẻ	5.30 - 29.50	5.3	-44.79%
3	S72	Xây dựng và Vật liệu	3.00 - 10.70	5.0	-37.50%
4	YBC	Xây dựng và Vật liệu	7.70 - 24.30	8.6	-32.81%
5	QLT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.50 - 33.00	18.1	-27.60%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
99.56%	44.9	7.30 - 44.90	Thực phẩm và đồ uống	CBS
74.16%	15.5	8.90 - 15.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TNP
57.33%	11.8	4.40 - 12.30	Xây dựng và Vật liệu	E29
54.10%	9.4	2.30 - 9.40	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	MTG
46.15%	5.7	3.00 - 6.40	Du lịch và Giải trí	TSD

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

	Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1	**BBC**	Bánh kẹo BIBICA	Thực phẩm và đồ uống	182	1,072.6	66.2	47.60 - 75.00	5.1
2	**PDN**	Cảng Đồng Nai	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30	248.5	94.2	72.10 - 103.20	5.6
3	**HRC**	Cao su Hòa Bình	Hóa chất	88	231.6	61.2	34.45 - 77.00	-7.7
4	**PSH**	TMại ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu	Bán lẻ	18,772	158.6	17.6	16.70 - 32.80	-3.3
5	**GAS**	PV Gas	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	200,087	147.7	103.5	69.40 - 103.70	13.7
6	**EVG**	Tập đoàn Everland	Xây dựng và Vật liệu	7,426	141.3	13.0	4.13 - 15.00	13.1
7	**OPC**	Dược phẩm OPC	Y tế	368	116.9	57.0	53.30 - 72.00	0.0
8	**NT2**	Điện lực Nhơn Trạch 2	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	25,727	102.7	20.6	18.25 - 26.20	-1.9
9	**PNJ**	Vàng Phú Nhuận	Hàng cá nhân & Gia dụng	57,698	95.0	99.0	57.40 - 109.10	7.6
10	**PGI**	Bảo hiểm PJICO	Bảo hiểm	736	94.3	26.1	18.30 - 28.50	-4.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó la cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	94.23	0.97	1.93	1.77	4.78	
VND/USD	22,761	-0.04	-0.01	-1.11	-1.46	
KRW/USD	1,188.15	0.97	2.67	4.88	9.37	
JPY/USD	111.14	0.37	1.03	-0.35	7.64	
EUR/USD	0.86	1.23	2.26	2.35	5.51	
SGD/USD	1.36	0.33	1.01	0.70	2.73	
CNY/USD	6.44	-0.22	-0.25	-0.19	-1.26	

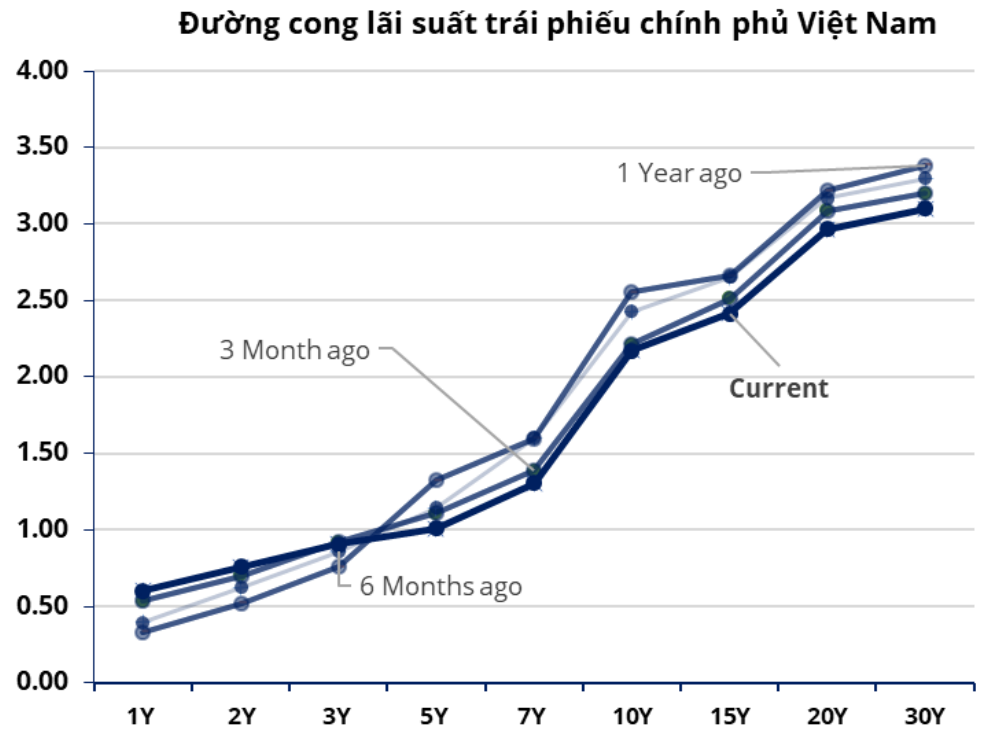
Hàng hóa

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	74.43	0.61	8.51	-1.06	53.40	
Xăng	219.41	0.30	3.94	-3.24	55.79	
Gas	5.89	14.63	27.67	60.94	132.06	
Than	218.00	17.27	25.11	61.84	170.81	
Vàng	1,755.36	0.28	-3.23	-1.21	-7.53	
Bạc	22.22	-0.90	-7.97	-14.66	-15.85	
Platinum	968.33	-1.73	-3.67	-10.90	-9.68	
Quặng sắt	117.00	-2.86	-26.53	-45.47	-24.92	
Thép cán	5,801.00	-0.03	2.69	52.26	26.80	
Lúa mì	735.25	1.59	4.89	11.66	14.79	
Ngô	536.75	1.90	4.12	-25.43	10.90	
Gỗ	627.50	-1.77	29.97	-12.36	-28.13	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
-TĐN: Từ đầu năm
-XH; Xu hướng
-Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.60	0.76	0.91	1.01	1.31	2.17	2.42	2.97	3.10
Thay đổi (BPS)	8.30	4.40	-0.50	2.00	0.90	2.10	1.20	2.70	0.00

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải c hịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã đư ợc hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính nà y có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi t rường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán S hinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua h oặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứ ng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể đ ược sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.